

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/DS-ST

Ngày: 06-02-2026

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh Chánh
2. Ông Nguyễn Văn Hôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: 339/7 ấp P, xã P1, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã P1, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thuý Hồng T, sinh năm 1991.
Địa chỉ cư trú: ấp K, thị trấn T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ cư trú: 435/80 ấp P, xã V, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã P1, tỉnh Vĩnh Long).

Bà T và bà B có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2025 của ông Nguyễn Tiến S; lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên toà của người đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Thuý Hồng T có nội dung:*

Đơn khởi kiện ông Nguyễn Tiến S yêu cầu ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán tài sản (vật liệu xây dựng) còn thiếu là: 68.598.000 đồng và tiền lãi từ năm 2016 cho đến ngày 24/12/2024 mà ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B đồng ý trả là: 28.800.000 đồng, tổng cộng là: 97.398.000 đồng. Yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của số tiền 68.598.000 đồng từ ngày 24/12/2024 cho đến khi Toà án xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền thay đổi yêu cầu liên quan đến mức lãi suất chậm trả là 0.83%/tháng, tính từ ngày 24/12/2024 đến ngày xét xử của số tiền 68.598.000 đồng, là 7.629.455 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi yêu cầu đến ngày 06/02/2026 là: 105.027.000 đồng.

Về lý do khởi kiện: Vào khoảng đầu năm 2016, vợ chồng ông T và bà B có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng Vật liệu xây dựng S do ông S làm chủ để cất nhà. Tổng số tiền nợ là 110.598.000 đồng, do thiếu tiền nên đề nghị trả dần. Đến ngày 09/6/2016 trả được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại đồng ý trả lãi 700.000 đồng/tháng, trả được 02 tháng thì không trả nữa. Sau đó tiếp tục trả dần, đến ngày 30/12/2022 còn nợ lại 68.598.000 đồng cho đến nay. Ngày 24/12/2024, Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (cũ) có hoà giải, vợ chồng ông T đồng ý trả số tiền 68.598.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 28.800.000 đồng, tổng cộng 97.398.000 đồng, hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng không trả được

khoản nào nên ông S khởi kiện. Nay không đồng ý việc xin trả dần của bà B do đã hứa nhiều lần nhưng không thực hiện.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Bà thừa nhận bà cùng chồng là ông Lê Văn T có mua vật liệu xây dựng của ông Nguyễn Tiến S để về xây nhà, thời gian khoảng được 08 hay 09 năm. Lúc mua không làm hợp đồng, không ghi giấy tờ, làm nhà tới đâu thì mua tới đó. Vợ chồng bà cũng đã trả được một phần, còn thiếu lại sáu mươi mấy triệu, có thực hiện hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre 01 lần. Khi hoà giải, bà có hứa vợ chồng bà sẽ trả vốn là 68.598.000 đồng và số tiền lãi là 28.800.000 đồng, hứa đợi bán đất được thì sẽ trả nhưng đến nay chưa bán đất được nên chưa trả. Việc xây nhà là nhà chung của vợ chồng bà, nợ này cũng là nợ chung của vợ chồng bà.

Việc ông S yêu cầu tiền vốn, lãi như nêu trên, bà đồng ý trả số tiền 105.207.000 đồng nhưng xin cho vợ chồng bà trả số tiền này cụ thể đến tháng 4/2026 trả 20.000.000 đồng, sau đó mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi nào hết số tiền 105.207.000 đồng. Đối với tiền lãi phát sinh sau khi tổng kết số tiền vốn, lãi (là 105.207.000 đồng) thì đề nghị cho vợ chồng bà không trả lãi nữa.

** Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt không lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn là ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng, không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227

Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến S, buộc bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua bán tài sản còn thiếu tính đến ngày 06/02/2026: Tiền nợ gốc: 68.598.000 đồng, tiền lãi: 28.800.000 đồng và số tiền lãi của nợ gốc 68.598.000 đồng với mức lãi suất 0.83%/tháng, kể từ ngày 24/12/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tiến S, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Trong đó xác định ông Nguyễn Tiến S là nguyên đơn (do bà Nguyễn Thụy Hồng T là người đại diện theo ủy quyền), ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của bị đơn là ông Lê Văn T vắng mặt lần thứ 02, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Về số tiền ông S yêu cầu:

Ông S có cung cấp chứng cứ là bản sao chứng thực sao đúng bản chính “*Biên bản về việc hoà giải tranh chấp dân sự*”, ngày 24/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (cũ) thể hiện quá trình hoà giải bà B có thừa nhận nợ ông S số tiền 68.598.000 đồng và có hứa trả số tiền lãi là 28.800.000 đồng, tổng cộng là 97.398.000 đồng. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/12/2025 và

tại phiên toà, bà B cũng thừa nhận có sự việc này và thừa nhận đây là nợ chung của bà cùng chồng là ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do ngày 24/12/2024, bà B thừa nhận nợ 97.398.000 đồng (vốn 68.598.000 đồng và lãi 28.800.000 đồng) nên được xem là có sự thoả thuận lại việc trả nợ. Bà B có hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Đây là khoản nợ chung của ông T và bà B, do chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông S yêu cầu trả số tiền 97.398.000 đồng (tính đến ngày 24/12/2024) là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về tiền lãi chậm trả:

Tại phiên toà bà B đồng ý trả tiền lãi như người đại diện nguyên đơn yêu cầu (thay đổi mức lãi suất yêu cầu từ 1.66%/tháng còn 0.83%/tháng). Xét mức lãi suất 0.83%/tháng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (do các bên không có thoả thuận lãi chậm trả). Bà B và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận ngày 24/12/2024 nên phải trả lãi chậm trả của số tiền chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo (tức ngày 25/12/2024) là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: $68.598.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 7.629.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Buộc ông T và bà B phải liên đới trả cho ông S tổng số tiền là: 105.027.000 đồng. Về tiền lãi chậm trả trong quá trình thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3]. Về việc bà B xin trả dần:

Việc xin trả dần thuộc giai đoạn thi hành án. Do các bên không thống nhất nên không có cơ sở ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn thiếu, còn về thời gian và phương thức trả tiền sẽ được xem xét, giải quyết trong quá trình thi hành án do thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

[2.4]. Về án phí theo quy định:

Ông T và bà B phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả tiền cho ông S. Tuy nhiên được miễn do là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí.

Các bên không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 430, 440, 468, khoản 1 Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến S.

Cụ thể tuyên:

[1]. Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Tiến S tổng số tiền mua bán tài sản còn thiếu là 105.027.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Trong đó: Số tiền gốc là 68.598.000 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng); tiền lãi chậm trả tính đến ngày 24/12/2024 là 28.800.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng); tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/12/2024 đến ngày 06/02/2026, mức lãi suất 0.83% là 7.629.000 đồng (bảy triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B phải liên đới nộp 5.251.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng). Tuy nhiên được miễn theo quy định.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến S tiền tạm ứng án phí 2.577.291 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi một đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008969, ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thuý Hằng